TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 720/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/11/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc

2. Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Ngọc– Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở tổ văn hóa số 18 phường Giang Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Toà án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXX-ST ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Phạm Thị Tố U, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 50B BĐ, phường BĐ, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. (có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Hồng Th, sinh năm 1980; cư trú tại: CT19 phường ĐG, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Tố U trình bầy: Tôi và anh Phạm Hồng Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Văn Giang, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình ngày 22/7/2004. Sau khi cưới vợ chồng tôi chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th thường xuyên ra ngoài rượu chè về không làm chủ được bản thân rồi gây sự với vợ con. Tôi đã khU giải và nhẫn nhịn nhiều nhưng anh Th vẫn không thay đổi, thậm chí còn nhiều lần còn gây gổ đánh đập tôi, cầm dao dọa đòi giết mẹ con tôi nếu không có sự can thiệp của hàng xóm. Tháng 7 năm 2017 vì không chịu được tôi cùng hai con ra ngoài thuê nhà ở riêng đến tháng 12/2017 anh Th tỏ ra ăn ăn hối cải và hứa sẽ thay đổi, hơn nữa vì các con nên tôi đã quay về chung sống để cố giắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên khi quay về cũng vì do quan điểm bất đồng nên anh Th vẫn không từ bỏ được rượu chè, vẫn thường xuyên gây gổ đánh tôi mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng

anh Th vẫn không thay đổi. Đến tháng 5 năm 2019, mẫu thuẫn trầm trọng, tôi và hai cháu đã chuyển ra ngoài ở riêng để bảo đảm tính mạng. Đến nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh Phạm Hồng Th.

Về con chung: Tôi và anh Th có 02 con chung là cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2004. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai cháu vì anh Th không có thời gian và khả năng dạy dỗ các cháu.Tôi yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng phí tổn nuôi các con hàng tháng là 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Bị đơn: Anh Phạm Hồng Th không đến Tòa án do vậy không có ý kiến:

Tại phiên tòa: chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Th. Về con chung: chị xác định có 02 con chung và yêu cầu được nuôi cả hai con và chị yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng). Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Tố U. Đề nghị xử cho chị U được ly hôn với anh Phạm Hồng Th, Về con chung: Giao cả hai con cho chị U trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Buộc anh Th phải có có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị U là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Tài sản chung: chị U không yêu cầu, anh Th không đến Tòa do vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị U có đơn xin ly hôn anh Th gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên. Công an phường Đức Giang xác nhận anh Th hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: CT 9C đường Nguyễn Cao Luyện, phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Anh Phạm Hồng Th là đương sự trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tố U và anh Phạm Hồng Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường Văn Giang, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình ngày 22/7/2004. Đây là cuộc hôn nhân hợp

pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu. Nguyên nhân mâu thuẫn , theo chị U trình bầy chị do anh Th thường xuyên ra ngoài rượu chè về không làm chủ được bản thân rồi gây sự với vợ con, chị đã khU giải và nhẫn nhịn nhiều nhưng anh Th vẫn không thay đổi, thẩm chí còn nhiều lần còn gây gổ đánh đập chị, cầm dao dọa đòi giết mẹ con chị nếu không có sự can thiệp của hàng xóm. Tháng 7 năm 2017 vì không chịu được chị cùng hai con chuyển ra ngoài ở riêng đến tháng 12/2017 anh Th tỏ ra ăn ăn hối cải và hứa sẽ thay đổi, hơn nữa vì các con nên chị đã quay về chung sống để cố giắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên khi quay về cùng vì do quan điểm bất đồng nên anh Th vẫn không từ bỏ được rượu chè, vẫn thường xuyên gây gổ đánh chị mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Đến tháng 5 năm 2019, mẫu thuẫn trầm trọng, chị và hai cháu lại chuyển ra ngoài ở riêng để bảo đảm tính mạng. Xét thấy chị U xác định tình cảm vợ chồng với anh Th không còn, anh Th không đến Tòa, không có thiện chí đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được và đây cũng là căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị U và anh Th có 02 con chung là cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2004. Hiện cả hai cháu đang ở với mẹ. Xét việc giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo quyền lợi của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án chị U đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh Th không đến Tòa nên không biết anh Th có nguyện vọng muốn được nuôi con hay không. Do vậy thấy cần giao cả hai cháu cho chị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị U yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôn con chung là 2.000.000 đồng/ tháng (mỗi con 1.000.000 đồng), HĐXX thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cả bố và mẹ theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chị U yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên thấy cần buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị U mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu, anh Th không đến Tòa do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị U phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 và anh Th phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Tố U.

Chị Phạm Thị Tố U sinh năm 1981 được ly hôn với anh Phạm Hồng Th sinh năm 1980

Về con chung: Xác định chị U và anh Th có 02 con chung là cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 26/6/2009 và cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2004. Giao cháu Chi và cháu Đạt cho chị U trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Phạm Hồng Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với chị U mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng) kể từ tháng 12/2019 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Tố U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị U đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo biên lai số AA/2017/00001901, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Uận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành an theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị U, vắng mặt anh Th. Chị U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi gửi:
- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Văn Giang TX Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu TA

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Hoàng Thị Thu Nga